

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 10 - 2019

V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba và ông Lê Văn Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2019/QĐHNGĐ-HPT ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1991, địa chỉ: Số 666/15A, đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 02 năm 2019 được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hải Y trình bày: Chị và anh Phạm Văn N tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q vào ngày 26/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào thành phố Vũng Tàu sinh sống và làm ăn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh N cũng đã nhiều lần bàn bạc, trao đổi để mong cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng tình hình không có gì thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện nay, chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nữa nên Chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2010, hiện nay đang sống cùng Chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con do chị có khả năng và điều kiện.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn N trình bày: Anh và chị Lê Thị Hải Y tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã An N vào ngày 23/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào thành phố Vũng Tàu sinh sống và làm ăn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, về nơi sống và không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhưng hiện nay bản thân Anh rất muốn vợ chồng quay lại sống cùng nhau để đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái. Nhưng chị Y kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên là Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2010, hiện nay đang sống cùng chị Y. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Anh có nguyện vọng giao con cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y đối với anh N; Giao con Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 25/11/2010 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con và sau này có quyền làm đơn đến Tòa án để đề nghị xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Lê Thị Hải Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn Tân Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hải Y và anh Phạm Văn N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, cả chị Y và anh N đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nên chị Y xin ly hôn anh N cũng đồng ý. Do điều kiện công việc nên anh N làm đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Hải Y và anh Phạm Văn N thống nhất có 01 con chung tên Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 25/11/2010. Hai bên thống nhất giao cháu Phạm Lê Khánh H cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu. Ngoài ra cháu Phạm Lê Khánh H có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, thỏa thuận của hai bên và nguyện vọng của cháu H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị Hải Y và anh Phạm Văn N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 273, 275 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hải Y xử cho chị Lê Thị Hải Y được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Phạm Lê Khánh H, sinh ngày 25/11/2010 cho chị Lê Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi vì chị Yến không yêu cầu do chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con và sau này có quyền làm đơn đến Tòa án để đề nghị xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn chị phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004704, ngày 06 tháng 3 năm 2019. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/10/2019), anh Năm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã A;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Mạnh Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA